

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢN ÁN SỐ: 1158/DS-ST NGÀY: 06/9/2017 V/V: TRANH CHẤP
QUYỀN TÁC GIẢ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở

2. Bà Nguyễn Hồng Hà

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà
Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2007/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2007 về việc “Tranh chấp quyền tác giả”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1719/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Phạm Văn X, sinh năm 1939;

Địa chỉ: xã ĐH, Thị trấn DA, tỉnh BD.

2/ Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1953 (Bút danh: Mặc G)

Địa chỉ: Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B là bà Bà Đoàn Tố N, sinh năm 1979

(Văn bản ủy quyền lập ngày 31/8/2015)

Địa chỉ thường trú: Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Trí T, sinh năm 1951

Địa chỉ: Phường SK, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Trần Trí Q, sinh năm 1956
(Văn bản ủy quyền lập ngày 08/9/2016)

Địa chỉ: Phường H, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Doãn Thị Minh T (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Phạm Văn X, ông ngày 14 tháng 5 năm 2007 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Tố N và nguyên đơn ông Phạm Văn X thống nhất trình bày:

Tháng 12/2005, ông Hồ Thanh B (bút danh Mặc G) và ông Phạm Văn X (bút danh NT) có mang tác phẩm “Việt Nam thi sử hùng ca” đến Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh để xin phép xuất bản, nhưng vì lý do kỹ thuật nên nguyên đơn nhờ ông Trần Trí T mang bản thảo tập thơ “Việt Nam thi sử hùng ca (VNTSHC)” đến xin giấy phép tại Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Một thời gian sau, nguyên đơn phát hiện tập thơ VNTSHC đã được xuất bản và phát hành. Tác phẩm VNTSHC được lưu hành được ghi tên tác giả là Trần Trí T, chứ không mang tên của tác giả Mặc G. Nguyên đơn đã khiếu nại tại Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM và chứng minh các câu thơ từ trang số 9 đến trang số 30 là của tác giả Mặc G và khoảng 900 câu thơ mở đầu trong tập thơ VNTSHC của tác giả Mặc G đã bị ông Trần Trí T hoán chuyển, thay thế, đảo vị trí... Ngày 13/4/2007, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM có mời nguyên đơn đến trực tiếp với ông Trần Trí T để đối chất làm rõ sự việc. Tại buổi làm việc này ông Trần Trí T đã thừa nhận có sử dụng tác phẩm của ông Mặc G và hứa sẽ xin lỗi bằng văn bản và bồi thường thiệt hại cho tác giả Mặc G. Nhưng sau đó, vào ngày 24/4/2007 ông Trần Trí T làm bản tường trình gửi đến Nhà xuất bản Tổng hợp phủ nhận việc ăn cắp tác phẩm của Mặc G và lý giải vòng vo, không có thiệt hại chí xin lỗi và bồi thường. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu buộc bị đơn ông Trần Trí T trả lại quyền tác giả cho ông Hồ Thanh B (bút danh Mặc G) vì đã vi phạm quyền tác giả - tác phẩm “Việt Nam thi sử hùng ca” của đồng tác giả Mặc G và Mai NT cụ thể là cuốn Tác phẩm Việt Nam Thi sử Hùng ca – Trần Trí T do Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 309-06/CXB/38-24/THTPHCM ngày 22 tháng 12 năm 2006.

Yêu cầu ông T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã mượn để sửa chữa máy tính, yêu cầu phải bồi thường tiền nhuận bút lời giới thiệu là 2.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận bút 30.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận ảnh 3.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải đăng báo lời xin lỗi tác giả Mặc G, xin lỗi tác giả nhiếp ảnh TV trên 03 tờ báo Trung ương và địa phương.

Bị đơn – ông Trần Trí T (do ông Trần Trí Q đại diện) trình bày: Tác phẩm Việt Nam thi sử hùng ca xuất bản năm 2005 là của ông Hồ Thanh B (bút danh Mặc G) còn tác phẩm Việt Nam thi sử anh hùng ca xuất bản năm 2007 là của tôi có Hợp đồng liên kết xuất bản số 1401/LK/2006 (Bản photo) và trong tác phẩm của tôi không có sử dụng lời văn của ông Mặc G. Do vậy tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ khi in ấn quyền sách đầu tiên Ban liên lạc Chi đội 15 đã chi tiền tổ chức phân phối nên không thể không nghĩ đến vai trò của Ban liên lạc. Tập thơ VNTSHC là ấn phẩm của Ban liên lạc Chi đội 15 Trung đoàn 308 Nguyễn An Ninh phục vụ công tác truyền thống, không kinh doanh. Lịch sử Việt Nam là một, ai viết ra cũng giống nhau, chỉ khác mục đích sử dụng, “Việt Nam thi sử hùng ca” không phải của ông Mặc G. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận mọi yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (có bà Doãn Thị Minh T làm đại diện) trình bày:

Năm 2006 theo Hợp đồng ký kết giữa nhà xuất bản với ông T có cấp Giấy phép cho ấn phẩm “Việt Nam Thi sử hùng ca” cho tác giả Mặc G, còn bản thảo gốc về tác phẩm sau 5 năm đã bị hủy theo quy định vì hết thời hạn lưu trữ, nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu công nhận tác phẩm “Việt Nam thi sử hùng ca” là của ông Mặc G (Hồ Thanh B). Yêu cầu bị đơn “Xin lỗi đồng nguyên đơn ông Hồ Thanh B (bút danh Mặc G) và ông Phạm Văn X trước Hội đồng xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Yêu cầu bị đơn chịu chi phí Luật sư mà đồng nguyên đơn đã thuê Luật sư và người đại diện số tiền là 58.000.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu nguyên đơn vì cho rằng tác phẩm “Việt Nam thi sử hùng ca” là ấn phẩm của Ban liên lạc Chi đội 15 Trung đoàn 308 Nguyễn An Ninh phục vụ công tác truyền thống, không kinh doanh, ông T chỉ là người kế thừa viết tiếp tập thơ, góp công lớn và đứng tên là tác giả của tập thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến nhận xét về việc Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng các qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định tác giả Mặc G có tên tục danh là Hồ Thanh B là người được NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 1401/QĐ-2006 THTPHCM ngày 22/12/2006 về việc xuất bản tác phẩm, tài liệu, tái bản xuất bản tác phẩm Việt Nam Thi sử hùng ca.

Đối với yêu cầu bị đơn “Xin lỗi đồng nguyên đơn ông Hồ Thanh B và ông Phạm Văn X trước HĐXX TAND.TPHCM là không có cơ sở, bởi lẽ bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại chi phí luật sư trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết là 58.000.000 đồng. Nhận thấy đối với 02 yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên sau khi được HĐXX giải thích thì nguyên đơn không còn yêu cầu nữa nên không xét.

Đối với các yêu cầu gồm: yêu cầu ông T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã mượn để sửa chữa máy tính, yêu cầu ông A phải bồi thường tiền nhuận bút lời giới thiệu là 2.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận bút 30.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận ảnh 3.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải đăng báo lời xin lỗi tác giả Mặc G, xin lỗi tác giả nhiếp ảnh TV trên 03 tờ báo Trung ương và địa phương nguyên đơn đã rút yêu cầu, đề nghị HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hồ Thanh B đang định cư ở Úc tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ với bị đơn ông Trần Trí T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu ông A phải đăng báo xin lỗi ông NT về việc lấy lời giới thiệu thì phía nguyên đơn đã rút lại yêu cầu nên Tòa án không đưa ông A vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Căn cứ biên nhận bản thảo số 268 ngày 09/12/2005 của Nhà xuất bản Văn nghệ thể hiện tên bản thảo là “Việt Nam thi sử hùng ca tập 1” của tác giả Mặc G.

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-2006 THTPHCM ngày 22/12/2006 về việc xuất bản tác phẩm, tài liệu, tái bản xuất bản sản phẩm do Giám đốc Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM quyết định xuất bản phim có tên “Việt Nam Thi sử hùng ca”, tác giả Mặc G.

Căn cứ Hợp đồng liên kết xuất bản ngày 22/12/2006 giữa NXB TP.HCM và ông Trần Trí T được ký kết căn cứ vào quyết định 1401 ngày 22/12/2006 của NXB Tổng hợp TP.HCM.

Căn cứ vào văn bản trả lời đơn khiếu nại của NXB Tổng hợp trả lời cho ông Phạm Văn X – bút danh NT, bà Huỳnh Thị TV, ông Nguyễn Đình P thể hiện ông

Trần Trí T đã thừa nhận có sử dụng tác phẩm của ông Mặc G để sửa chữa và xuất bản. Việc trả lời khiếu nại này phù hợp với lời thừa nhận của ông Trần Trí T tại biên bản hòa giải ngày 17/4/2015 ông T trình bày”... tác phẩm Việt nam thi sử hùng ca xuất bản năm 2005 là của ông Hồ Thanh B (bút danh Mặc G) còn tác phẩm Việt Nam Thi sử hùng ca xuất bản năm 2007 là của ông T...” lời thừa nhận này phù hợp với lời trình bày của bà Trâm đại diện NXB tổng hợp TP.HCM là “năm 2006 theo hợp đồng liên kết xuất bản kỳ 1 giữa NXB với ông T NXB có cấp Giấy phép cho ấn phẩm Việt Nam thi sử hùng ca cho tác giả Mặc G còn bản thảo gốc về tác phẩm của ông Mặc G sau 05 năm đã bị tiêu hủy theo quy định” Việc khai tên tác giả của tác phẩm trên là do bị đơn ông Trần Trí T tự khai. Theo công văn trả lời đơn khiếu nại của Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM ngày 02/5/2007 thì nhà xuất bản xác nhận bản thảo Việt Nam Thi Sử Hùng Ca do ông Trần Trí T mang đến Nhà xuất bản với tư cách là tác giả, ông T cho biết Mặc G là bút danh của ông T.

Tuy nhiên, lời trình bày này của bị đơn ông T là không chính xác, vì bút danh Mặc G là của nguyên đơn ông Hồ Thanh B. Phía ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh bút danh Mặc G là của ông T.

Từ những căn cứ trên cho thấy, ông Trần Trí T đã thừa nhận có sử dụng tác phẩm của ông Mặc G để sửa chữa và xuất bản và tại văn bản gửi Thẩm phán Phạm Thị Lan ngày 02/11/2014 ông Trần Trí T xác định Nhà thơ Mặc G tức Hòa thượng Thích NT, tục danh là Hồ Thanh B; nhà thơ Mai NT tức thượng tọa Thích Nhật Thường, tục danh Phạm Văn X nên có cơ sở xác định ông Hồ Thanh B có bút danh là Mặc G. Việc ông Trần Trí T tự nhận mình là Mặc G để ký hợp đồng liên kết và đã sử dụng Quyết định số 1401 ngày 22/12/2006 của NXB Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh đã cấp cho ông Mặc G để xuất bản quyền Việt Nam Thi sử hùng ca là đã xâm phạm quyền tác giả của ông Hồ Thanh B – bút danh Mặc G theo quy định tại khoản 1 Điều 736 Bộ luật Dân sự năm 2005 “Người sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học là tác giả của tác phẩm đó”.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền tác giả là có cơ sở.

Đối với yêu cầu bị đơn “Xin lỗi đồng nguyên đơn ông Hồ Thanh B và ông Phạm Văn X trước HĐXX TAND.TPHCM là không có cơ sở, bởi lẽ bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên bị đơn không thể thực hiện và đến khi bản án có hiệu lực pháp luật thì không thể lập HĐXX sơ thẩm ngày hôm nay để bị đơn thi hành bản án xin lỗi trước HĐXX sơ thẩm.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng 10 tháng lương tối thiểu và chi phí luật sư trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết là 58.000.000 đồng. Nhận thấy đối với 02 yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX không xét.

Đối với các yêu cầu gồm: yêu cầu ông T trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã mượn để sửa chữa máy tính, yêu cầu ông Trọng phải bồi thường tiền nhuận bút lời giới thiệu là 2.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận bút 30.000.000 đồng, yêu cầu ông T phải bồi thường tiền nhuận ảnh 3.000.000 đồng, yêu cầu ông Trần Trí T phải đăng báo lời xin lỗi tác giả Mặc G, xin lỗi tác giả nhiếp ảnh TV trên 03 tờ báo Trung ương và địa phương nguyên đơn đã rút do đó HĐXX đình chỉ đối với các yêu cầu này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Trí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn X, bà Huỳnh Thị T, ông Hồ Thanh B số tiền là 875.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 204, Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2008 ngày 03/4/2008 TTLT-TANHTC-VKSNDTC-BVHTT-DL-BCN-BTP ngày 03/4/2008.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định tác giả Mặc G có tên tục danh là Hồ Thanh B là người được NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 1401/QĐ-2006 THTPHCM ngày 22/12/2006 về việc xuất bản tác phẩm, tài liệu, tái bản xuất bản phẩm Việt Nam Thi sử hùng ca.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn xin lỗi đồng nguyên đơn ông Hồ Thanh B và ông Phạm Văn X trước HĐXX TAND TP.HCM.

3/ Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu ông Trần Trí T trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đã mượn để sửa chữa máy tính, yêu cầu ông Trần Văn A phải bồi thường tiền nhuận bút lời giới thiệu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) yêu cầu ông Trần Trí T phải bồi thường tiền nhuận bút 30.000.000 đồng, (ba mươi triệu đồng) yêu cầu ông Trần Trí T phải bồi thường tiền nhuận ảnh 3.000.000 đồng, (ba triệu đồng) yêu cầu ông Trần Trí T phải đăng báo lời xin lỗi tác giả Mặc G, xin lỗi tác giả nhiếp ảnh TV trên 03 tờ báo Trung ương và địa phương

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Trí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Phạm Văn X, bà Huỳnh Thị T, ông Hồ Thanh B số tiền là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 002272 ngày 19/6/2007 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢN ÁN SỐ: 774/2019/DS-PT NGÀY: 03/9/2019 V/V : TRANH CHẤP
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Hải

- Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thị Hòa

2. Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 29 tháng 7, ngày 20, 27 tháng 8 và ngày 03 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/DSPT ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2669/2019/QĐ-PT 17/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Phong L, sinh năm 1974

Địa chỉ: 554 LL, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Đại L1, ông Phạm Vũ Khánh T và bà Trương Thị Thu H là Luật sư của Công ty Luật TNHH Phạm và Liên Danh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật và phát triển tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và Giải trí PT)

Địa chỉ trụ sở: Số 53 HK, phường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở hiện tại: Số 6 P, phường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và Giải trí PT là bà Phan Thị Mỹ H1;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N

Địa chỉ: Số 305 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 02/5/2016).

2/ Bà Phan Thị Mỹ H1, sinh năm 1965

Địa chỉ: số 373/15 NĐ, Phường M, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Mỹ H1 có: ông Nguyễn Văn N.

Địa chỉ: Số 305 NĐ, Phường F, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/9/2010)

- Người kháng cáo: Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và Giải trí PT và bà Phan Thị Mỹ H1 là đồng bị đơn.

Ông L, ông N, bà H1 có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lê Phong L trình bày:

Từ năm 2001, biết Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (sau đây viết tắt là Công ty PT) có đầu tư làm truyện tranh cho thiếu nhi, ông bắt đầu về làm việc tại Công ty với vị trí họa sĩ vẽ minh họa.

Khi đó, giám đốc Công ty PT là bà Phan Thị Mỹ H1 có đề nghị ông vẽ bộ truyện dân gian để chuyển thể các điển tích và nhân vật trạng ngày xưa. Ông có xây dựng khoảng 30 nhân vật và chọn ra 4 hình tượng nhân vật là O, P, Q, R để sáng tác bộ truyện tranh E.

Ông thực hiện các công việc từ hình thành ý tưởng sáng tạo đến vẽ hình tượng nhân vật và dự kiến số tập truyện phải xuất bản trong năm. Công ty PT và các đồng nghiệp chỉ hỗ trợ mua tư liệu, lọc nét, xử lý màu, đóng góp ý kiến nhằm rút ngắn thời gian và hoàn thiện bộ truyện hơn. Bà Phan Thị Mỹ H1 không tham gia vào một khâu sáng tạo nào trong sáng tác truyện mà chỉ có vai trò điều phối chung và góp ý với tư cách là nhà quản lý. Việc tiếp thu các ý kiến góp ý từ bà H1 và người khác vào bộ truyện tranh hoàn toàn do ông quyết định. Khi truyện phát hành, trên tất cả các trang bìa tập truyện đều có ghi nhận tác giả là Lê L (là bút danh của ông).

Ngày 29/3/2002, theo yêu cầu của bà H1, ông có ký đơn để Công ty PT đăng ký quyền sở hữu đối với 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R. Sau đó, Công ty PT được Cục bản quyền cấp Giấy chứng nhận ghi nhận là chủ sở hữu bản quyền của 4 hình tượng nhân vật trên.

Ông tiếp tục sáng tác truyện E cho đến tập 78 thì dừng lại và nghỉ việc tại Công ty PT.

Một thời gian sau, ông phát hiện Công ty PT đã tự tạo ra nhiều biến thể khác nhau của 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R trên các tập truyện E từ tập 79 cho đến nay và các ấn phẩm khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật mà không xin phép ông.

Nay, ông yêu cầu:

- Công nhận ông là tác giả duy nhất của 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R trong bộ truyện tranh E từ tập 01 đến tập 78, không công nhận bà Phan Thị Mỹ H1 là đồng tác giả trong việc sáng tác 4 hình tượng nhân vật trên.

- Buộc công ty PT chấm dứt việc tự tạo ra và sử dụng những biến thể khác nhau của các hình tượng O, P, Q, R trên các tập E tiếp theo tập 78 và trên các ấn bản khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật.

- Buộc Công ty PT xin lỗi công khai trên báo Pháp luật, Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tuổi Trẻ Cười, Sài Gòn Giải Phóng, Thể thao và Văn hóa trong 3 kỳ liên tiếp với nội dung xin lỗi như sau: “Tôi là Phan Thị Mỹ H1, Giám đốc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT, xin lỗi ông Lê Phong L (bút danh Lê L) cùng toàn thể độc giả E vì đã có hành xâm phạm hình tượng các nhân vật Trọng Trí, Sứ Ọ, Dân Bé, Cả Mẹo do ông Lê Phong L (bút danh Lê L) sáng tác trong bộ truyện tranh E.

- Buộc Công ty PT thanh toán chi phí thuê luật sư là 20.000.000 đồng. Ông cho rằng lý do ông ký tên vào Đơn đăng ký bản quyền ngày 29/3/2002 gửi Cục bản quyền tác giả là làm theo yêu cầu bà Phan Thị Mỹ H1, mục đích của việc đăng ký này là ghi nhận quyền sở hữu của Công ty PT đối với hình thức thể hiện các nhân vật O, P, Q, R, chứ không phải ghi nhận quyền tác giả cho bà Phan Thị Mỹ H1 hay ghi nhận ông chuyển quyền tác giả đối với 4 hình tượng nhân vật trên cho Công ty PT hay bất kỳ ai khác.

Theo ông, Công ty PT sử dụng 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R để thực hiện truyện E từ tập 79 trở đi và các tập truyện E Khoa Học, E Mỹ Thuật là làm tác phẩm phái sinh. Tuy nhiên, việc Công ty PT tự tạo ra các biến thể của 4 hình tượng nhân vật này trong các tập truyện trên với những hình ảnh, dáng vẻ, tư thế khác so với hình tượng gốc do ông sáng tác mà không được sự đồng ý của ông là xâm phạm đến sự toàn vẹn của tác phẩm và quyền nhân thân của ông, Bị đơn là bà Phan Thị Mỹ H1 và Công ty PT cùng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Bị đơn xác nhận nội dung trình bày của nguyên đơn về quan hệ lao động giữa ông Lê Phong L và Công ty PT là đúng. Tuy nhiên, Bị đơn không đồng ý với toàn bộ lời trình bày của Nguyên đơn về quá trình sáng tác 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R trong các tập truyện E.

Bà Phan Thị Mỹ H1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về công nhận ông Lê Phong L là tác giả duy nhất của hình tượng các nhân vật O, P, Q, R trong các tập truyện E từ tập 1 đến tập 78, bởi lẽ:

- Tại văn bản ngày 29/3/2002, ông L đã ký cam kết, thỏa thuận với bà Phan Thị Mỹ H1 công nhận bà Phan Thị Mỹ H1 là đồng tác giả của 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R và chuyển toàn bộ quyền sở hữu 4 hình tượng trên cho Công ty PT. Văn bản này về bản chất là một giao dịch dân sự được ông L tự nguyện xác lập, phù hợp quy định tại Điều 130, 131, 132, 133 Bộ luật Dân sự 1995 và có giá trị ràng buộc thực hiện theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Dân sự 1995. Việc ông L khởi kiện ra tòa yêu cầu công nhận mình là tác giả duy nhất là vi phạm cam kết trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn không chứng minh được mình là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 4, khoản 3 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP, cụ thể là không chứng minh được về thời gian, địa điểm sáng tạo, hình thức, cách thức sáng tác, dấu ấn sáng tạo cá nhân của mình, căn cứ duy nhất được ông L đưa ra là trên bìa ấn phẩm E có ghi tên “Lê L”. Tuy nhiên, căn cứ này không được quy định tại Nghị định 100/2006/NĐ-CP. Đồng thời, do Việt N chưa phải là thành viên của Công ước Berne nên không thể áp dụng quy định suy đoán tác giả của Công ước Berne để xác định Nguyên đơn là tác giả duy nhất các tác phẩm.

- Bà H1 là người đầu tiên có ý tưởng về các nhân vật trong E. Bà H1 đã lấy hình mẫu, cơ sở cấu trúc nhân vật truyện tranh Nhật Bản và đường nét mang tính dân gian Việt N để tạo nên 4 hình tượng nhân vật O, P, Q, R. Hình tượng 04 nhân vật trên đã định hình rõ ràng trong trí óc của bà H1, nhưng do không phải là họa sĩ nên bà H1 đã thuê các họa sĩ, trong đó có ông L, giúp bà thể hiện các hình tượng này ra thế giới vật chất; quá trình này vẫn được bà H1 đích thân chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể, kiểm soát chặt chẽ, cầm tay chỉ vẽ để đảm bảo bản vật thể hóa các hình tượng nhân vật trên phải hoàn toàn trùng khớp với tác phẩm trong thế giới tinh thần của bà H1.

- Các thông tin về quy trình sáng tác truyện được ghi nhận tại tập 24 và 37 của bộ truyện E được Công ty PT đưa ra chỉ để phục vụ cho câu lạc bộ giao lưu với bạn đọc, nhằm mục đích kinh doanh, không hoàn toàn đúng nhưng cũng không hoàn toàn sai, tránh đối thủ cạnh tranh bất chước, giúp nâng vị thế của Lê L chứ không phải thừa nhận ông Lê Phong L là tác giả của truyện.

Công ty PT không đồng ý với yêu cầu của Nguyên đơn về buộc Công ty PT chấm dứt việc tạo ra các biến thể của hình tượng 04 nhân vật O, P, Q, R trên các tập E tiếp theo tập 78 và trên các ấn bản khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật, bởi lẽ:

- Qua văn bản đề ngày 29/3/2002, ông L đã thừa nhận bà H1 là đồng tác giả và chuyển quyền sở hữu hình tượng 4 nhân vật O, P, Q, R cho Công ty PT. Công

ty cũng đã được cấp Giấy chứng nhận bản quyền. Đến nay, chưa có quyết định nào tuyên bố văn bản ngày 29/3/2002 và Giấy chứng nhận bản quyền vô hiệu. Do đó, Công ty PT có quyền sử dụng hình tượng 4 nhân vật O, P, Q, R để làm tác phẩm phái sinh.

- Do không có hành vi xâm phạm quyền tác giả nên Công ty PT không đồng ý với yêu cầu của Nguyên đơn về Công ty phải xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và thanh toán chi phí luật sư 20.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DSST ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1 quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với Bị đơn PT Mỹ H1:

Công nhận ông Lê Phong L là tác giả duy nhất của hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R trong bộ truyện tranh E từ tập 01 đến tập 78 theo các Giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 246/2002/QTG, 247/2002/QTG, 248/2002/QTG, 249/2002/QTG đã được Cục Bản quyền tác giả Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp ngày 07 tháng 5 năm 2002 cho Chủ sở hữu tác phẩm là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và giải trí PT).

Ông Lê Phong L được quyền liên hệ Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để được ghi nhận là tác giả duy nhất đối với các tác phẩm nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận 01 phần các yêu cầu của Nguyên đơn đối với Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và giải trí PT):

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT chấm dứt việc tự tạo ra và sử dụng các biến thể của hình thức thể hiện của các nhân vật O, Q, P, R trên các tập tiếp theo từ tập 79 của truyện tranh E cũng như trên các ấn bản khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật.

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT phải xin lỗi ông Lê Phong L trên Báo Thanh Niên và Báo Tuổi Trẻ trong 03 số liên tiếp với nội dung như sau:

Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT xin lỗi ông Lê Phong L (bút danh Lê L) do đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả của ông L đối với hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R.

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT thanh toán cho ông Lê Phong L chi phí thuê luật sư là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT thanh toán cho ông Lê Phong L chi phí thuê luật sư là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/02/2019, bị đơn – bà Phan Thị Mỹ H1 và Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn trình bày và bà H1 bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT có quyền tự do sử dụng các quyền tài sản trong đó có quyền làm tác phẩm phái sinh đối với các hình tượng nhân vật O, P, Q, R; Giữ nguyên hiệu lực của các Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục bản quyền tác giả cấp cho nguyên đơn và bà Phan Thị Mỹ H1; công nhận ông Lê Phong L là đồng tác giả với bà Phan Thị Mỹ H1 đối với hình tượng các nhân vật O, P, Q, R. Lý do: Tòa án nhân dân Quận D không có thẩm quyền giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không triệu tập Cục bản quyền tác giả tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Hình vẽ 4 nhân vật không phải là sản phẩm tinh thần sáng tạo mang đặc trưng cá nhân của nguyên đơn. Nguyên đơn không chứng minh được dấu ấn cá nhân trong cách thể hiện hình tượng các nhân vật trên. Công ty PT là chủ sở hữu tác phẩm nên có quyền làm tác phẩm phái sinh, nguyên đơn không chứng minh được Công ty PT đã tạo ra biến thể khác là như thế nào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan và đúng pháp luật nên kính đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bị đơn.

Nguyên đơn trình bày: Ông vào Công ty PT đã soạn thảo thử vài bộ truyện tranh và được bà H1 đồng ý, bà H1 có ý tưởng soạn bộ truyện E. Các công đoạn viết kịch bản, phát thảo bản gốc, đặt tên cho nhân vật đều do ông làm. Tên nhân vật đều do ông nghĩ ra. Từ tập 1 khi chưa đăng ký đều ghi nhận ông là tác giả. Giai đoạn lọc nét chỉ là chỉnh lại nét, sau này do sản xuất nhiều nên mới có dây chuyền sản xuất, đều vẽ trên bản thảo của ông. Bị đơn cho rằng việc tạo ra các hình tượng nhân vật là lấy hình ảnh từ những bộ truyện tranh nước ngoài là hoàn toàn không

đúng, ông không bị ảnh hưởng bởi phong cách nào, ông muốn sáng tạo ra hình tượng nhân vật thuần Việt. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Với các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như qua tranh luận tại phiên Toà phúc thẩm đã có cơ sở để xác định bản án sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về tố tụng dân sự không có vi phạm về hình thức. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền tác giả và chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chấm dứt việc tự tạo ra và sử dụng các biến thể của hình thức thể hiện các nhân vật tranh chấp cũng như việc buộc Công ty PT phải xin lỗi và bồi thường chi phí thuê Luật sư là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 18/02/2019, Toà án nhân dân Quận 1 ban hành bản án số 35/2019/DSST giải quyết vụ án, bị đơn – bà PT Mỹ H1 và Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn N có mặt tại phiên tòa. Ngày 26/02/2019, các bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bà H1 và Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn - ông Lê Phong L khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ông là tác giả duy nhất của hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R trong bộ truyện tranh E từ tập 01 đến tập 78. Yêu cầu Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT chấm dứt hành vi tự tạo ra và sử dụng những biến thể khác nhau của các hình tượng O, P, Q, R trên các tập E tiếp theo tập 78 và trên các ấn bản khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật. Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT xin lỗi công khai. Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ giữa cá nhân và tổ chức nhưng không có mục đích lợi nhuận, là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó,

Tòa án nhân dân Quận 1 căn cứ khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng theo quy định pháp luật. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án, các bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử không đúng thẩm quyền, thực chất của việc tranh chấp về quyền tác giả của nguyên đơn mang mục đích lợi nhuận. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc về quyền nhân thân trong quyền tác giả đối với tác phẩm, trong đó có quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Do đó nguyên đơn không nhằm mục đích có thu lợi nhuận hay không thu được lợi nhuận từ yêu cầu này, đây là tranh chấp dân sự về quyền sở hữu trí tuệ, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập Cục Bản quyền tác giả tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Cục Bản quyền tác giả có văn bản số 147/BQTG-TT ngày 23/8/2010 (BL 153) có nội dung: Trong trường hợp tòa án giải quyết vụ án phát hiện hồ sơ tài liệu có chứng cứ ngược lại, Cục Bản quyền tác giả sẽ ra quyết định hủy bỏ hiệu lực đối với Giấy chứng nhận bản quyền tác giả đã cấp. Theo quy định tại Điều 51 Luật sở hữu trí tuệ và Điều 35, 36, 37 Nghị định 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả thì Cục Bản quyền tác giả là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả theo Hồ sơ đăng ký quyền tác giả của người nộp. Đồng thời theo quy định tại Điều 55 Luật Sở hữu trí tuệ thì “Tổ chức, cá nhân phát hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trái với quy định của Luật này thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan”. Do đó việc Tòa án công nhận hoặc không công nhận hiệu lực các Giấy chứng nhận quyền tác giả mà Cục Bản quyền tác giả cấp số 246, 247, 248, 249/2002/QTG ngày 07 tháng 5 năm 2002 không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Cục Bản quyền tác giả. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Cục Bản quyền tác giả tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu triệu tập người làm chứng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn Văn N có văn bản yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập người làm chứng là Hội Mỹ thuật Việt Nam và Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia phiên tòa. Xét thấy, theo quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì người làm chứng là “Người biết các tình tiết có liên quan đến nội dung vụ việc được đương sự đề nghị, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng”. Theo văn bản ngày 24/8/2010, Hội Mỹ thuật chỉ nêu lên ý kiến cá nhân của mình về vụ kiện, không thể hiện mình là người trực tiếp chứng kiến hay biết về quá trình sáng tác, đăng ký bản quyền của 4 hình tượng nhân vật đang tranh chấp. Đồng thời, Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền tác giả theo quy định pháp luật trên cơ sở đơn yêu cầu của người nộp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ triệu tập các cơ quan này với tư cách người làm chứng như yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[5] Về nội dung:

Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Về yêu cầu xác định bà Phan Thị Mỹ H1 và ông Lê Phong L là đồng tác giả:

[5.1.1] Đối tượng tranh chấp trong vụ án là hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R. Theo các Giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 246, 247, 248, 249/2002/QTG ngày 07 tháng 5 năm 2002, hình thức thể hiện của 4 nhân vật đang tranh chấp đã được Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa Thông tin cấp cho chủ sở hữu là Công ty PT. Tuy nhiên tại mục tác giả các văn bản nêu trên thể hiện là tập thể tác giả. Nguyên đơn cho rằng ông là người trực tiếp sáng tác ra hình tượng của 4 nhân vật, yêu cầu Tòa án xác định ông là tác giả duy nhất của hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R. Bị đơn cho rằng bà Phan Thị Mỹ H1 là tác giả của các tác phẩm tranh chấp do các tác phẩm này đã được định hình rõ ràng trong trí óc của bà, ông L chỉ là người được bà thuê để vật thể hóa các ý tưởng đó ra thế giới bên ngoài. Nguyên đơn cũng không chứng minh được địa điểm và thời gian sáng tạo; hình thức, cách thức sáng tạo và dấu ấn cá nhân của mình trong tác phẩm.

[5.1.2] Nhận thấy, việc sáng tác và cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả diễn ra vào giai đoạn chưa có Luật Sở hữu trí tuệ điều chỉnh nên cần áp dụng quy định về Sở hữu trí tuệ của Bộ luật Dân sự 1995 và các văn bản hướng dẫn phần này của Bộ luật Dân sự năm 1995 là phù hợp.

[5.1.3] Hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R là các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, là loại hình tác phẩm được bảo hộ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 747 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Theo quy định tại khoản 1 Điều 745, Điều 754 Bộ luật Dân sự 1995 thì “Tác giả là người trực tiếp sáng tạo toàn bộ hoặc một phần tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học”; “Quyền tác giả phát sinh kể từ

thời điểm tác phẩm được sáng tạo dưới hình thức nhất định”. Điều 6 của Nghị định số 76-CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự quy định: “Quyền tác giả đối với tác phẩm phát sinh tại thời điểm tác phẩm sáng tạo được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt tác phẩm đã công bố hoặc chưa công bố, đã đăng ký bảo hộ hoặc chưa đăng ký bảo hộ”. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cung cấp bản chính bản thảo của hình thức thể hiện 4 nhân vật tuy nhiên không thể hiện vẽ vào thời điểm nào. Bị đơn cũng cung cấp các hình ảnh và cho rằng đây là những hình ảnh phát họa đầu tiên và hình ảnh sau khi có sự góp ý chỉnh sửa của bà H1 nhưng cũng không cung cấp được thông tin thời gian vẽ ra các hình ảnh đó. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng thừa nhận nguyên đơn là người trực tiếp vẽ ra các nhân vật O, P, Q, R và bắt đầu xuất hiện từ tập 01 bộ truyện tranh E do Công ty PT thực hiện xuất bản. Trên các ấn phẩm phát hành đều thể hiện nguyên đơn (bút danh Lê L) là người thể hiện phần tranh minh họa, ngoài ra một số mục khác như quá trình thực hiện bộ truyện E mà theo trình bày của bà Phan Thị Mỹ H1 là để giao lưu với bạn đọc thì đều thể hiện họa sĩ Lê L là tác giả. Theo khoản 3 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 76 – CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong Bộ luật Dân sự thì để được công nhận là tác giả, người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học phải đề tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm được công bố, phổ biến; cá nhân, tổ chức làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả. Xét, cá nhân được công nhận là tác giả khi sáng tạo ra tác phẩm và thể hiện sự sáng tạo đó dưới một hình thức vật chất nhất định. Tức là, nếu một người có ý tưởng sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, nhưng chưa thể hiện ý tưởng này dưới bất kỳ hình thức nào thì không thể yêu cầu công nhận mình là tác giả đối với ý tưởng đó.

[5.1.4] Việc nguyên đơn là người trực tiếp thể hiện các hình tượng nhân vật dưới hình thức vật chất nhất định là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên. Bị đơn cho rằng những hình tượng nhân vật này thật chất đã hình thành trong trí óc của bà mà nguyên đơn chỉ là người thực hiện vẽ lại theo mô tả, bà đã tham gia góp ý, chỉnh sửa cho đến khi đúng với ý tưởng của mình nên cho rằng mình là tác giả của hình thức thể hiện của bốn nhân vật đang tranh chấp là không có cơ sở. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng nguyên đơn không thể hiện được dấu ấn cá nhân đối với các hình tượng nhân vật, không diễn tả được quá trình sáng tác của mình đối với tác phẩm. Ông L không có không gian sáng tạo dấu ấn cá nhân, phải vẽ trong sự kiểm soát, giám sát của bà H1 nên nguyên đơn cho rằng mình là tác giả duy nhất là không phù hợp. Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, vì theo các quy định của pháp luật đã viện dẫn như trên thì dấu ấn cá nhân của tác giả không phải là điều kiện để xác định tác giả của tác phẩm. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng

xét xử nhận thấy kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ chấp nhận. Án sơ thẩm xác định ông Lê Phong L là tác giả duy nhất của hình thức thể hiện của bốn nhân vật O, P, Q, R là có căn cứ.

[5.2] Về việc xác định có hay không việc xâm phạm sự toàn vẹn của tác phẩm là bốn hình tượng nhân vật đang tranh chấp: Theo quy định của Điều 1 Phần V của Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ có quy định về áp dụng pháp luật về sở hữu trí tuệ để giải quyết tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan: “Đối với quyền tác giả, quyền liên quan được bảo hộ theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trước ngày Luật sở hữu trí tuệ có hiệu lực (01-7-2006), nếu còn thời hạn bảo hộ vào ngày 01-7-2006, thì tiếp tục được bảo hộ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Do đó, khi giải quyết loại tranh chấp này, thì Toà án áp dụng quy định của Luật sở hữu trí tuệ”. Vì vậy để xem xét yêu cầu này giữa hai bên đương sự, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ để giải quyết là phù hợp.

[5.2.1] Nguyên đơn cho rằng mục đích ông đến làm việc tại Công ty PT là để hợp tác, không phải là lao động theo hợp đồng, các văn bản ông ký cho Công ty PT chỉ là hợp thức hóa trong quá trình xin cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả đối với các hình tượng nhân vật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Căn cứ hợp đồng lao động mà nguyên đơn ký kết với Công ty PT và lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn làm việc cho Công ty PT theo hợp đồng lao động, nhiệm vụ là vẽ tranh minh họa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 746 Bộ luật Dân sự 1995 thì chủ sở hữu của tác phẩm là tác giả trừ trường hợp tác phẩm sáng tạo theo nhiệm vụ được giao, theo hợp đồng. Theo văn bản đề ngày 29/3/2002 thể hiện “Chúng tôi đứng tên dưới đây gồm: 1. Lê Phong L; 2. Phan Thị Mỹ H1 được Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật và phát triển tin học PT,...giao nhiệm vụ thực hiện các tác phẩm: bản vẽ nhân vật bé P, nhân vật O, nhân vật R, nhân vật Q để in trên bộ truyện tranh E”. Văn bản nêu trên có chữ ký của ông Lê Phong L. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 746 Bộ luật Dân sự 1995 thì “Cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ cho tác giả là chủ sở hữu toàn bộ hoặc một phần tác phẩm do tác giả sáng tạo theo nhiệm vụ mà cơ quan hoặc tổ chức giao”. Do đó, Công ty PT là tổ chức giao nhiệm vụ cho ông Lê Phong L vẽ minh họa nên là chủ sở hữu tác phẩm E còn như nhận định trên ông L là tác giả hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R do ông Lê Phong L vẽ. Công ty PT được quyền làm tác phẩm phái sinh nhưng không được sửa chữa, cắt xén hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R hoặc xuyên tạc các tác phẩm này dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của ông Lê Phong L.

[5.2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng Công ty PT đã phát hành truyện tranh E từ tập 01 đến tập 78, sau đó nguyên đơn nghỉ việc tại

Công ty PT nhưng Công ty vẫn phát hành tiếp các tập truyện Thần Đồng Đất việc từ tập 79 trở đi và các bộ truyện tranh E Mỹ Thuật, E Khoa Học với hình thức thể hiện của các nhân vật khác so với hình thức thể hiện đã được đăng ký tại Cục Bản quyền tác giả mà không có sự đồng ý của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thuê họa sĩ vẽ lại các nhân vật O, P, Q, R nhưng có những đường nét không đúng với hình thức thể hiện trước đây do nguyên đơn vẽ làm biểu cảm của nhân vật không được tự nhiên, sinh động, nguyên đơn gọi đây là các biến thể. Nguyên đơn và các bị đơn đều không cung cấp chứng cứ chứng minh có thỏa thuận nào khác khi Công ty PT phát hành tiếp các tập tiếp theo của truyện E và các bộ truyện tranh E Mỹ Thuật, E Khoa Học. Tại các tập truyện này vẫn sử dụng hình ảnh, tên các nhân vật O, P, Q, R tuy nhiên không ghi nhận phần tranh trong truyện là sử dụng tác phẩm hình tượng nhân vật của tác giả Lê L như các tập E từ 01 đến 78. Theo khoản 8 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ, “Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn”. Các bên đương sự đều cho rằng việc Công ty PT sử dụng hình thức thể hiện của các nhân vật nêu trên để thực hiện các tập từ tập 79 trở đi của bộ truyện tranh E cũng như thực hiện các bộ truyện tranh E Mỹ Thuật, E Khoa Học, với hình thức thể hiện khác so với hình thức thể hiện đã được đăng ký tại Cục Bản quyền tác giả, là hoạt động làm tác phẩm phái sinh nhưng không nêu được đó là hoạt động nào trong các hoạt động dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải hay tuyển chọn. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo các Giấy chứng nhận số 246, 247, 248, 249/2002/QTG ngày 07/5/2002 của Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa thông tin và các tài liệu kèm theo các giấy chứng nhận này thì hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R chỉ được diễn hoạt ở một vài góc cạnh như trước, nghiêng, sau lưng. Đây được xem hình thức thể hiện góc của các tác phẩm. Công ty PT là chủ sở hữu tác phẩm có quyền làm tác phẩm phái sinh nhưng không được sửa chữa tác phẩm gốc. Ông Lê Phong L là tác giả của tác phẩm có quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

[5.2.3] Do các bị đơn không nêu được việc thực hiện các tập từ tập 79 trở đi của bộ truyện tranh E cũng như thực hiện các bộ truyện tranh E Mỹ Thuật, E Khoa Học là hoạt động nào trong hoạt động làm tác phẩm phái sinh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem đây là hoạt động làm tác phẩm phái sinh. Ông Lê Phong L chỉ là tác giả của hình thức thể hiện gốc của bốn nhân vật O, P, Q, R theo các Giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 246, 247, 248, 249/2002/QTG ngày 07 tháng 5 năm 2002. Bộ truyện E là do Công ty PT phát hành, có sử dụng hình thức thể hiện của 4 nhân vật này. Tuy Công ty PT là chủ sở hữu tác phẩm là hình thức thể hiện của 4 nhân vật, được quyền sử dụng hình tượng 4 nhân vật này vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình nhưng phải tôn trọng quyền nhân thân của tác giả là sự toàn vẹn của tác phẩm. Việc đưa hình ảnh các nhân vật này vào nội dung truyện cần thể hiện các nét mặt, tư thế, hành động phù hợp với nội dung cốt truyện sẽ làm sai lệch so với hình thức thể hiện gốc. Việc làm sai lệch so với hình thức thể hiện

gốc không có sự đồng ý của tác giả, đồng thời Công ty PT không ghi chú rõ việc sử dụng hình thức thể hiện của 4 nhân vật O, P, Q, R là tác phẩm của tác giả Lê Phong L. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty PT đã có hành vi xâm phạm quyền nhân thân của tác giả Lê Phong L theo quy định tại Điều 19, khoản 5 Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ. Án sơ thẩm xác định Công ty PT xâm phạm quyền tác giả của Ông L khi có các hoạt động nêu trên là có căn cứ.

[5.3] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty PT công khai xin lỗi nguyên đơn và độc giả của bộ truyện tranh E do đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả của nguyên đơn:

Do có sự xâm phạm quyền nhân thân của tác giả như đã phân tích ở trên nên việc Công ty PT phải công khai xin lỗi ông Lê Phong L như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ. Cần buộc Công ty PT xin lỗi công khai ông L trên Báo Thanh niên và Báo Tuổi trẻ trong 03 số liên tiếp với nội dung như sau: “Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT xin lỗi ông Lê Phong L (bút danh Lê L) do đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả của ông L đối với hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R”.

[5.4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty PT phải thanh toán chi phí luật sư là 20.000.000 đồng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty PT phải bồi thường cho ông Lê Phong L chi phí thuê luật sư là 15.000.000 đồng. Ông L không có kháng cáo đối với phần này của án sơ thẩm. Bị đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm nhưng nội dung kháng cáo không được chấp nhận như đã phân tích nêu trên nên bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán chi phí thuê luật sư cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ. Xét, việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện này của cấp sơ thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên phần này.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Từ những phân tích nêu trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với những phân tích nêu trên và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên được chấp nhận.

[8] Xét kháng cáo của bị đơn không phù hợp với những phân tích nêu trên và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[9] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự

phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật nên giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 68, Điều 77, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 745, Điều 746, Điều 747, Điều 754 Bộ luật Dân sự 1995;
- Căn cứ Điều 55, Điều 202, khoản 3 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ;
- Căn cứ khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11 Nghị định 70 – CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Phan Thị Mỹ H1 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông giáo dục và giải trí PT (tên cũ là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT)

Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với Bị đơn Phan Thị Mỹ H1:

Công nhận ông Lê Phong L là tác giả duy nhất của hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R trong bộ truyện tranh E từ tập 01 đến tập 78 theo các Giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 246/2002/QTG, 247/2002/QTG, 248/2002/QTG, 249/2002/QTG đã được Cục Bản quyền tác giả Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp ngày 07 tháng 5 năm 2002 cho Chủ sở hữu tác phẩm là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và giải trí PT).

Ông Lê Phong L được quyền liên hệ Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để được ghi nhận là tác giả duy nhất đối với các tác phẩm nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận 01 phần các yêu cầu của Nguyên đơn đối với Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và giải trí PT):

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT chấm dứt việc tự tạo ra và sử dụng các biến thể của hình thức thể hiện của các nhân vật O, Q, P, R trên các tập tiếp theo từ tập 79 của truyện tranh E cũng như trên các ấn bản khác như E Khoa Học, E Mỹ Thuật.

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT phải xin lỗi ông Lê Phong L trên Báo Thanh Niên và Báo Tuổi Trẻ trong 03 số liên tiếp với nội dung như sau:

Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT xin lỗi ông Lê Phong L (bút danh Lê L) do đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả của ông L đối với hình thức thể hiện của các nhân vật O, P, Q, R.

Buộc Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT thanh toán cho ông Lê Phong L chi phí thuê luật sư là 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT thanh toán cho ông Lê Phong L chi phí thuê luật sư là 5.000.000 đồng.

4. Các đương sự thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Bà Phan Thị Mỹ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.000 đồng. Công ty TNHH Truyền thông Giáo dục và Giải trí PT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng. Ông Lê Phong L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 250.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Thi hành án dân sự Quận 1 gồm biên lai số 004963 ngày 15/10/2008 là 50.000 đồng, biên lai số 005000 ngày 20/10/2008 là 500.000 đồng và các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1 gồm biên lai số 0007111 ngày 11/02/2019 là 50.000 đồng, biên lai số 0007112 là 50.000 đồng. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền chênh lệch là 400.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật và Phát triển Tin học PT (tên hiện nay là Công ty TNHH Truyền thông giáo dục và giải trí PT) và bà Phan Thị Mỹ H1 mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0007198 ngày 06/3/2019 và 0007221 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BẢN ÁN SỐ: 19/2020/KDTM-PT NGÀY: 17/9/2020 V/V: TRANH CHẤP
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuất Văn San

2. Ông Trần Quốc Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Trần Chí Thành
- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 439/2020/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 476/2020/QĐ-HPT ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trung tâm TQVN(TQVN).

Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Văn H, phường NĐ , quận CG , thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Trung C - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình H, ông Trần Nam T . Địa chỉ: Số 66

Nguyễn Văn Huyền, phường NĐ , quận CG , thành phố Hà Nội, theo văn bản ủy

quyền ngày 03/7/2020. (Ông Hưng, ông Trung có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Công ty TNHH NV .

Địa chỉ: Số 2, ngõ 153, xóm Đ, thôn TK, xã TT, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị S - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị S, bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Tầng 4, số 78 NK, phường YH, quận CG , thành phố Hà Nội theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020. (Bà S vắng mặt, bà M có mặt tại phiên tòa).

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn N với tư cách là nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2015, ông đã phát hiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V đã xâm phạm quyền tác giả của ông đối với tác phẩm: “Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số”, Bản quyền số 1955/2008/QTG đã được Cục bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận ngày 30/6/2008 và yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V lập tức chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với bản quyền của ông.

Hành vi này của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã sao chép, chuyển thể, cải biên, biên soạn một cách bất hợp pháp từ xổ số trong Bản quyền đã được bảo hộ của ông, cắt xén, xáo trộn, thay tên đổi họ, xuyên tạc quyền nhân thân, thay đổi về vị trí, bố cục của chiếc vé ông thiết kế, nhằm che mắt chủ bản quyền cũng như cơ quan quản lý Nhà nước. Hành vi này đã vi phạm Điều 19 về quyền nhân thân và Điều 20 về quyền tài sản: Làm sản phẩm, tác phẩm phát sinh khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngày 02 tháng 7 năm 2008, ông đã mang bản quyền xổ số của ông đến Bộ Tài chính để mời họ cùng hợp tác và hy vọng sẽ cứu vãn được xổ số truyền thống đã có từ năm 1962 “in nhiều, bán ít hủy là chính”. Số công văn gửi đến Bộ Tài chính được thể hiện tại số 49770. Vụ Tài chính - Các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng chủ trì xử lý và trình lãnh đạo Bộ Tài chính giải quyết.

Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số của Nguyễn Văn N chính là của ông. Được thể hiện tại trang Thông tin văn bản mà Văn thư Bộ Tài chính cung cấp cho ông. Đây là bằng chứng, chứng cứ Bộ Tài chính đang quản lý, lưu giữ. Thực tế, nó đã mang lại hiệu quả đột phá cho toàn ngành kinh doanh xổ số của Bộ Tài chính đến nay, V cũng đang sử dụng trái phép nhiều năm nay, khi chưa được sự đồng ý của ông là chủ sở hữu đồng thời là tác giả.

Do đó ông khẳng định, Bộ Tài chính đã vi phạm Điều 19, Điều 20, Điều 28 của Luật Sở hữu trí tuệ; Điều 34, Điều 25, Điều 115, Điều 163, Điều 166, Điều 169, Điều 697 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn đã vi phạm quyền tác giả, nên phải trả thù lao quyền tác giả theo luật định trong suốt thời gian đã sử dụng trái pháp luật từ năm 2012, bồi thường cho ông về hành vi vi phạm, cụ thể bao gồm các khoản chi phí thiệt hại thực tế và thiệt hại về mặt tinh thần, nhân phẩm bị xâm hại theo quy định tại Chương II của Bộ luật Dân sự. Cụ thể là phải bồi thường về thực tế được xác định dựa trên con số lợi nhuận kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, về doanh thu của Công ty có được từ hành vi sử dụng bản quyền 1955/2008/QTG; các chi phí ông đi đòi công lý về sở hữu trí tuệ của Bản quyền 1955/2008/QTG và yêu cầu xử lý, thu hồi các văn bản ra trái pháp luật.

Do đó ông đề nghị Tòa án xử:

(1) Buộc bị đơn công nhận đã xâm phạm Bản quyền 195 5/2008/QTG.

(2) Buộc bị đơn phải xin lỗi, trả thù lao: 30 tỷ đồng (3% của 1000 tỷ đồng) dựa trên báo cáo thuế hàng năm từ năm 2016 đến nay của Công ty TNHH Một thành viên V; không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền trả thù lao trên (30 tỷ đồng).

(3) Buộc bị đơn thực hiện nghiêm túc Luật Sở hữu trí tuệ và chấm dứt hành vi vi phạm.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V được thành lập, tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số (Nghị định số 30/2007/NĐ-CP, Nghị định số 78/2012/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 75/2013/TT-BTC, Thông tư số 136/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính được thay thế bằng Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019).

Các sản phẩm, phương thức phát hành, địa bàn phát hành xổ số điện toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đều tuân thủ quy định của pháp luật và được sự chấp thuận của Bộ Tài chính trước khi triển khai thực hiện. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không vi phạm đến Bản quyền số 1955/2008/QTG ngày 30/6/2008 của nguyên đơn.

Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không liên quan đến Bản quyền số 1955/2008/QTG của nguyên đơn, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không có trách nhiệm xin lỗi, trả thù lao và các quyền lợi khác cho nguyên đơn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V luôn chấp hành và tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh xổ số điện toán. Cho đến nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V chưa bị xử lý đối với bất kỳ vi phạm pháp luật nào từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/KDTM-ST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ vào các Điều 30, Điều 37; Điều 38, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 28 của Luật Sở hữu trí tuệ; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc:

(1) Buộc bị đơn công nhận đã xâm phạm Bản quyền 1955/2008/QTG;

(2) Buộc bị đơn phải xin lỗi, trả thù lao: 30 tỷ đồng (3% của 1000 tỷ đồng);

(3) Buộc bị đơn thực hiện nghiêm túc Luật Sở hữu trí tuệ và chấm dứt hành vi vi phạm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc miễn án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện song thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông và đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V phải bồi thường 40 tỷ đồng (tăng 10 tỷ đồng so với đơn khởi kiện) và chịu mức lãi suất đối với số tiền này từ năm 2016 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ việc tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại khoản 2 Điều 30, Điều 37 và khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn khởi kiện cũng như đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ngày 30/6/2008, Cục Bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn Hoá thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 1955/2008/QTG cho ông Nguyễn Văn N là tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm “Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số” - Loại hình tác phẩm viết. Trong tác phẩm này ông Nguyễn Văn N đã trình bày cách in, phát hành và mẫu vé số mới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ, theo đó so sánh “mẫu vé số mới” của ông Nguyễn Văn N với mẫu vé số do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, có

trong hồ sơ vụ án cho thấy có nhiều điểm khác nhau, theo đó, về trực quan cũng có thể nhận thấy có một số đặc điểm cụ thể dễ phân biệt như sau:

(1) Mẫu xổ số của ông Nguyễn Văn N thì ghi Xổ Số KIẾN THIẾT MIỀN BẮC còn mẫu xổ số của Công ty TNHH Một thành viên V ghi XỔ SỐ TỰ CHỌN;

(2) Trong tác phẩm của ông N có 2 phần: (Phần 1) Phần cuống vé giữ lại và (Phần 2) phần vé số giao cho người mua, còn Công ty TNHH Một thành viên V chỉ có (1) phần vé số giao cho người mua, (2) cuống vé giữ lại được lưu trong hệ thống máy tính.

(3) Trong vé số của ông Nguyễn Văn N không có hàng ô để người mua tự chọn cặp số còn trong vé số của Công ty V thì có các loại xổ số điện toán khác nhau, trong đó người mua có thể chọn số cố định hoặc có thể yêu cầu hệ thống máy tính tự chọn.

(4) Trong tác phẩm của ông N mặt sau không in gì còn mẫu vé xổ số của Công ty V có in nội dung những điều cần biết...và còn nhiều điểm khác nhau khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình với sự so sánh như trên của Tòa án cấp sơ thẩm, khẳng định mẫu vé số của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không trùng khớp, không có đặc điểm giống nhau so với mẫu vé số mà ông Nguyễn Văn N đã đăng ký bản quyền. Mặt khác mẫu vé xổ số của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã được thiết kế và thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 136/2013/TT-BTC ngày 03/10/2013 sau đó đã được thay thế bằng Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019 của Bộ Tài chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong quá trình tham gia tranh luận, ông Nguyễn Văn N còn nhấn mạnh cho rằng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã xâm phạm về ý tưởng, chuyển thể sang dạng khác, song ông N cũng không đưa ra được căn cứ thuyết phục... Xem xét, đánh giá về quá trình thành lập và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không có bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến quyền tác giả của ông Nguyễn Văn N, do đó, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm; bị đơn cũng giữ nguyên quan điểm như ở cấp sơ thẩm, các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, đồng thời cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi và cũng là người có công với cách mạng, đã làm đầy đủ thủ tục xin miễn án phí, cho nên ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;
2. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
BẢN ÁN SỐ: 27/2020/KDTM-PT NGÀY: 21/9/2020 V/V: TRANH CHẤP
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc

- Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Huyền Cường

2. Bà Phan Thị Vân Hương

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiệm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 40/2019/TLPTKDTM ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ”, do có kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6814/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú tại Nhà số 16, Ngõ 120 đường H, phường H, quận T, thành phố H; có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V.

Địa chỉ trụ sở công ty tại Tầng 15, Tòa nhà C, Số 16 P, phường P, quận K, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Đ - Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V;

Người được ủy quyền: Ông Chu Minh P - Trưởng phòng Quản trị rủi ro của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh Đ là Tổng Giám đốc công ty, theo Giấy ủy quyền số 399/UQ-VIETLLOT ngày 06 tháng 7 năm 2020, có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn N với tư cách là nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2015, ông đã phát hiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V đã xâm phạm quyền tác giả của ông đối với tác phẩm: “Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số”, Bản quyền số 1955/2008/QTG đã được Cục bản quyền tác giả cấp Giấy chứng nhận ngày 30/6/2008 và yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên V lập tức chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với bản quyền của ông.

Hành vi này của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã sao chép, chuyển thể, cải biên, biên soạn một cách bất hợp pháp từ xổ số trong Bản quyền đã được bảo hộ của ông, cắt xén, xáo trộn, thay tên đổi họ, xuyên tạc quyền nhân thân, thay đổi về vị trí, bố cục của chiếc vé ông thiết kế, nhằm che mắt chủ bản quyền cũng như cơ quan quản lý Nhà nước. Hành vi này đã vi phạm Điều 19 về quyền nhân thân và Điều 20 về quyền tài sản: Làm sản phẩm, tác phẩm phát sinh khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngày 02 tháng 7 năm 2008, ông đã mang bản quyền xổ số của ông đến Bộ Tài chính để mời họ cùng hợp tác và hy vọng sẽ cứu vãn được xổ số truyền thống đã có từ năm 1962 “in nhiều, bán ít hủy là chính”. Số công văn gửi đến Bộ Tài chính được thể hiện tại số 49770. Vụ Tài chính - Các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng chủ trì xử lý và trình lãnh đạo Bộ Tài chính giải quyết.

Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số của Nguyễn Văn N chính là của ông. Được thể hiện tại trang Thông tin văn bản mà Văn thư Bộ Tài chính cung cấp cho ông. Đây là bằng chứng, chứng cứ Bộ Tài chính đang quản lý, lưu giữ. Thực tế, nó đã mang lại hiệu quả đột phá cho toàn ngành kinh doanh xổ số của Bộ Tài chính đến nay, V cũng đang sử dụng trái phép nhiều năm nay, khi chưa được sự đồng ý của ông là chủ sở hữu đồng thời là tác giả.

Do đó ông khẳng định, Bộ Tài chính đã vi phạm Điều 19, Điều 20, Điều 28 của Luật Sở hữu trí tuệ; Điều 34, Điều 25, Điều 115, Điều 163, Điều 166, Điều 169, Điều 697 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn đã vi phạm quyền tác giả, nên phải trả thù lao quyền tác giả theo luật định trong suốt thời gian đã sử dụng trái pháp luật từ năm 2012, bồi thường cho ông về hành vi vi phạm, cụ thể bao gồm các khoản chi phí thiệt hại thực tế và thiệt hại về mặt tinh thần, nhân phẩm bị xâm hại theo quy định tại Chương II của Bộ luật Dân sự. Cụ thể là phải bồi thường về thực tế được xác định dựa trên con số lợi nhuận kinh doanh của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, về doanh thu của Công ty có được từ hành vi sử dụng bản quyền 1955/2008/QTG; các chi phí ông đi đòi công lý về sở hữu trí tuệ của Bản quyền 1955/2008/QTG và yêu cầu xử lý, thu hồi các văn bản ra trái pháp luật.

Do đó ông đề nghị Tòa án xử:

(1) Buộc bị đơn công nhận đã xâm phạm Bản quyền 195 5/2008/QTG.

(2) Buộc bị đơn phải xin lỗi, trả thù lao: 30 tỷ đồng (3% của 1000 tỷ đồng) dựa trên báo cáo thuế hàng năm từ năm 2016 đến nay của Công ty TNHH Một thành viên V; không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền trả thù lao trên (30 tỷ đồng).

(3) Buộc bị đơn thực hiện nghiêm túc Luật Sở hữu trí tuệ và chấm dứt hành vi vi phạm.

* Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V được thành lập, tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số (Nghị định số 30/2007/NĐ-CP, Nghị định số 78/2012/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 75/2013/TT-BTC, Thông tư số 136/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính được thay thế bằng Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019).

Các sản phẩm, phương thức phát hành, địa bàn phát hành xổ số điện toán của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đều tuân thủ quy định của pháp luật và được sự chấp thuận của Bộ Tài chính trước khi triển khai thực hiện. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không vi phạm đến Bản quyền số 1955/2008/QTG ngày 30/6/2008 của nguyên đơn.

Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không liên quan đến Bản quyền số 1955/2008/QTG của nguyên đơn, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không có trách nhiệm xin lỗi, trả thù lao và các quyền lợi khác cho nguyên đơn.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V luôn chấp hành và tuân thủ tất cả các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh xổ số điện toán. Cho đến nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V chưa bị xử lý đối với bất kỳ vi phạm pháp luật nào từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/KDTM-ST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ vào các Điều 30, Điều 37; Điều 38, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 28 của Luật Sở hữu trí tuệ; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc:

(1) Buộc bị đơn công nhận đã xâm phạm Bản quyền 1955/2008/QTG;

(2) Buộc bị đơn phải xin lỗi, trả thù lao: 30 tỷ đồng (3% của 1000 tỷ đồng);

(3) Buộc bị đơn thực hiện nghiêm túc Luật Sở hữu trí tuệ và chấm dứt hành vi vi phạm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc miễn án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện song thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông và đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V phải bồi thường 40 tỷ đồng (tăng 10 tỷ đồng so với đơn khởi kiện) và chịu mức lãi suất đối với số tiền này từ năm 2016 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ việc tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại khoản 2 Điều 30, Điều 37 và khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn khởi kiện cũng như đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ngày 30/6/2008, Cục Bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn Hoá thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 1955/2008/QTG cho ông Nguyễn Văn N là tác giả đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm “Phương án in và phát hành xổ số sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí in vé xổ số” - Loại hình tác phẩm viết. Trong tác phẩm này ông Nguyễn Văn N đã trình bày cách in, phát hành và mẫu vé số mới.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ, theo đó so sánh “mẫu vé số mới” của ông Nguyễn Văn N với mẫu vé số do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm, có

trong hồ sơ vụ án cho thấy có nhiều điểm khác nhau, theo đó, về trực quan cũng có thể nhận thấy có một số đặc điểm cụ thể dễ phân biệt như sau:

(1) Mẫu xỏ số của ông Nguyễn Văn N thì ghi Xỏ Số KIẾN THIẾT MIỀN BẮC còn mẫu xỏ số của Công ty TNHH Một thành viên V ghi XỎ SỐ TỰ CHỌN;

(2) Trong tác phẩm của ông N có 2 phần: (Phần 1) Phần cuống vé giữ lại và (Phần 2) phần vé số giao cho người mua, còn Công ty TNHH Một thành viên V chỉ có (1) phần vé số giao cho người mua, (2) cuống vé giữ lại được lưu trong hệ thống máy tính.

(3) Trong vé số của ông Nguyễn Văn N không có hàng ô để người mua tự chọn cặp số còn trong vé số của Công ty V thì có các loại xỏ số điện toán khác nhau, trong đó người mua có thể chọn số cố định hoặc có thể yêu cầu hệ thống máy tính tự chọn.

(4) Trong tác phẩm của ông N mặt sau không in gì còn mẫu vé xỏ số của Công ty V có in nội dung những điều cần biết...và còn nhiều điểm khác nhau khác.

Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng đồng tình với sự so sánh như trên của Tòa án cấp sơ thẩm, khẳng định mẫu vé số của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không trùng khớp, không có đặc điểm giống nhau so với mẫu vé số mà ông Nguyễn Văn N đã đăng ký bản quyền. Mặt khác mẫu vé xỏ số của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã được thiết kế và thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 136/2013/TT-BTC ngày 03/10/2013 sau đó đã được thay thế bằng Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/6/2019 của Bộ Tài chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, trong quá trình tham gia tranh luận, ông Nguyễn Văn N còn nhấn mạnh cho rằng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V đã xâm phạm về ý tưởng, chuyển thể sang dạng khác, song ông N cũng không đưa ra được căn cứ thuyết phục... Xem xét, đánh giá về quá trình thành lập và hoạt động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên V không có bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến quyền tác giả của ông Nguyễn Văn N, do đó, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm; bị đơn cũng giữ nguyên quan điểm như ở cấp sơ thẩm, các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, đồng thời cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo theo hướng hủy bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi và cũng là người có công với cách mạng, đã làm đầy đủ thủ tục xin miễn án phí, cho nên ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;
2. Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢN ÁN SỐ: 09/2022/KDTM-PT NGÀY: 21/02/2022 V/V: TRANH
CHẤP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Yên

2. Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 51/2021/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 610/2021/KDTM-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: P

Địa chỉ: SB, B, MA 02210, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh Th – sinh năm 1984 và/hoặc ông Bạch Hoàng G – sinh năm 1990 (Giấy Chỉ định đại diện ngày 25/6/2020). (có mặt ông Bạch Hoàng G)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Xuân L và ông Nguyễn Huy Th – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt Luật sư Lê Xuân L)

Địa chỉ: đường H, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H

Địa chỉ: Khu B, Khu công nghiệp H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình Ch-sinh năm 1973 (Giấy ủy quyền số 09.21/UQ-HA ngày 08/4/2021).(có mặt)

Địa chỉ: Khu B, Khu công nghiệp H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn P có ông Bạch Hoàng G đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Nguyên đơn, Công ty P là chủ sở hữu chương trình phần mềm máy tính CREO ELEMENT/PRO 5.0; là một nền tảng CAD/CAM 3D, ứng dụng công nghệ thông tin ở mức độ cao trong lĩnh vực sản xuất.

Theo các quy định của Công ước Berne mà Việt Nam và Hoa Kỳ đều là thành viên, Hiệp định thiết lập quan hệ quyền tác giả giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, Hiệp định về Quan hệ Thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, pháp luật Việt Nam (Điều 6.1 Luật Sở hữu trí tuệ) thì các chương trình máy tính nêu trên được tự động bảo hộ quyền tác giả kể từ ngày được sáng tạo ra mà không cần thông qua bất kỳ thủ tục đăng ký nào. Tuy nhiên, nhằm phục vụ cho các hoạt động thực thi quyền của mình một cách thuận lợi, Công ty P cũng đã tiến hành đăng ký quyền tác giả cho các chương trình máy tính của mình theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả cho chương trình máy tính Pro/ENGINEER Wildfire 5.0. ngày 10/09/2009. Thời điểm ban đầu, P đặt tên chương trình máy tính là Pro/ENGINEER Wildfire; Năm 2011, P đổi tên chương trình máy tính Pro/ ENGINEER Wildfire thành CREO ELEMENT/PRO. Việc thay đổi tên gọi của chương trình máy tính này được công khai trên các trang web của P. Nguyên đơn xác nhận chương trình máy tính có tên gọi CREO ELEMENT/PRO 5.0 và Pro/ENGINEER Wildfire 5.0 là một với các phiên bản hoàn thiện dần theo thời gian.

Bị đơn là Công ty TNHH Thiết Bị Giáo Dục H (Công ty H) đã thực hiện hành vi cài đặt, sao chép và sử dụng các chương trình máy tính của Công ty P tại các phương tiện kinh doanh như máy tính để bàn, máy tính xách tay mà không hề nhận quyền sử dụng hợp pháp các chương trình này từ Công ty P.

Ngày 10/12/2019, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật sở hữu trí tuệ của Công ty H. Trong quá trình thanh tra, cơ quan chức năng đã phát hiện Công ty bị đơn sao chép trái phép nhiều chương trình máy tính trong đó có 01 chương trình máy tính CREO ELEMENT/PRO 5.0 của Công ty P. Chương trình máy tính CREO ELEMENT/PRO 5.0 này được cài trên máy tính được kết nối với Hostname nhamay2.honganhheec.com.

Căn cứ theo kết quả thanh tra, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kết luận Thanh tra số 182/KL-Ttra ngày 26/12/2019, kết luận về hành

vi phạm pháp luật quyền tác giả nghiêm trọng thực hiện bởi bị đơn. Hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính như trên là hành vi xâm phạm quyền tác giả theo Điều 28 Luật Sở hữu trí tuệ, gây tổn thất nặng nề cho Công ty P với tư cách là chủ sở hữu quyền tác giả đang được bảo hộ. Do đó, căn cứ theo Điều 202.1 Luật Sở hữu trí tuệ, bị đơn phải chấm dứt mọi hành vi xâm phạm quyền.

Hành vi xâm phạm quyền tác giả thực hiện bởi bị đơn đã gây ra thiệt hại về vật chất cho nguyên đơn với tư cách là chủ sở hữu quyền tác giả đang được bảo hộ tại Việt Nam. Các thiệt hại trên bao gồm các tổn thất về tài sản, tổn thất về cơ hội kinh doanh cũng như các chi phí khác mà nguyên đơn phải gánh chịu để ngăn chặn và khắc phục thiệt hại.

Giá trị của chương trình máy tính vi phạm (chương trình máy tính CREO mà bị đơn sao chép và sử dụng trái phép) là USD 543.685 (tương ứng 12.631.977.290 VND – bằng chữ: mười hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng). Giá trị này chính là giá bán lẻ đề xuất cùng đồng thời là giá thị trường của chương trình máy tính này. Dưới góc độ của pháp luật sở hữu trí tuệ (cụ thể là Điều 47 Luật Sở hữu trí tuệ) thì việc “giá bán phần mềm/chương trình máy tính” chính là “giá chuyển giao quyền sử dụng chương trình máy tính”.

Điều 205.1(b) Luật Sở hữu trí tuệ quy định: Điều 205. Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

1. Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây ra thiệt hại về vật chất cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường theo một trong các căn cứ sau đây:

...

b) Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giá định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;

Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ nêu trên thì thiệt hại của nguyên đơn do hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO thực hiện bởi bị đơn là 543.685 USD.

Ngoài ra, Đoạn 4 Điều 18.74 Chương Sở hữu trí tuệ Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương CPTPP quy định (Hiệp định này có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 14/01/2019):

Khi xác định khoản bồi thường theo khoản 3, cơ quan tư pháp mỗi Bên phải có thẩm quyền xem xét, ngoài những thứ khác, bất kỳ cách tính giá trị hợp pháp nào mà chủ thể quyền đưa ra, trong đó có thể bao gồm lợi nhuận bị mất, giá trị hàng hóa bị hoặc dịch vụ bị xâm phạm tính theo giá thị trường, hoặc theo giá bán lẻ được đề xuất.

Điểm c khoản 1 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ năm 2019) cũng đã nội luật hóa quy định nêu trên. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 17 Nghị định 105/2006/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung năm 2010 thì “giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ” cũng chính là tổn thất của nguyên đơn.

Như trên đã đề cập, giá trị tính bằng tiền của chương trình máy tính CREO bị xâm phạm là 543.685 USD. Do đó, căn cứ theo các quy định của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn như đã trích dẫn ở trên thì việc nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường thiệt hại số tiền USD 543.685 (tương ứng 12.631.977.290 VND - bằng chữ: mười hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi đồng) là có căn cứ.

Hành vi xâm phạm quyền tác giả thực hiện bởi bị đơn không những trực tiếp gây thiệt hại lớn về vật chất cho nguyên đơn mà còn ảnh hưởng đến uy tín và danh tiếng của nguyên đơn với tư là chủ sở hữu hợp pháp của quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ. Do đó, theo quy định tại Điều 202.2 Luật Sở hữu trí tuệ, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải xin lỗi công khai nguyên đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể là đăng lời xin lỗi công khai trên ba kỳ liên tiếp của Báo T về hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Chương trình máy tính CREO được sao chép lậu bởi bị đơn chính là “hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ” theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ.

Máy tính cài đặt trái phép chương trình này chính là phương tiện được sử dụng chủ yếu để lưu trữ, sản xuất, kinh doanh hàng hóa sao chép lậu/hàng hóa giả mạo sở hữu trí tuệ. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ và Điều 31 Nghị định 105/2006/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung năm 2010), việc tiêu hủy toàn bộ máy tính đã cài đặt trái phép chương trình máy tính CREO, bao gồm không giới hạn bởi máy tính được Thanh tra Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ghi nhận tại buổi thanh tra trực tiếp đối với bị đơn vào ngày 10/12/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H là ông Nguyễn Đình Ch trình bày:

Ngày 10/12/2019, Đoàn thanh tra của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch có tiến hành thanh tra đột xuất theo Quyết định về việc thanh tra chấp hành các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với chương trình phần mềm máy tính số 328/QĐ-TTr ngày 05/12/2019. Sau khi thanh tra, Đoàn thanh tra có lập biên bản về việc vi phạm của Công ty H đối với phần mềm máy tính CREO Element Pro 5.0 của nguyên đơn.

Sau khi Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, bị đơn đã chấm dứt hành vi vi phạm, gỡ bỏ ngay bản sao chương trình phần mềm máy tính mà không được phép

của chủ sở hữu quyền tác giả. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

- Về việc buộc Công ty H chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả cụ thể

là hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0 được bảo hộ của nguyên đơn: Công ty H đã thực hiện ngay sau khi Đoàn thanh tra tiến hành việc thanh tra tại công ty.

- Về yêu cầu buộc Công ty H tiêu hủy các máy tính đã được cài đặt chương trình CREO Element Pro 5.0: Công ty H đã gỡ bỏ phần mềm CREO Element Pro 5.0 trên máy tính vi phạm và thực tế chỉ có 01 (một) máy tính sử dụng trái phép phần mềm nói trên.

- Về yêu cầu Công ty H xin lỗi công khai nguyên đơn 03 kỳ liên tiếp trên báo T về hành vi xâm phạm quyền tác giả: Công ty H đồng ý yêu cầu này.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD (tương đương 12.631.977.290 đồng), đại diện bị đơn không đồng ý, vì nhân viên sử dụng phần mềm CREO Element Pro 5.0 trên máy tính của Công ty H chỉ dùng với mục đích học tập thêm, không vì mục đích thương mại hay kinh doanh, lợi nhuận. Tại Kết luận thanh tra của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch cũng xác định chỉ có 01 máy sử dụng phần mềm CREO Element Pro 5.0, Công ty H kinh doanh thiết bị giáo dục, không sử dụng phần mềm này để thực hiện sản xuất, kinh doanh nên thuộc trường hợp không phải trả phí.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 610/2021/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 11, Điều 20 Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Căn cứ Mục B Khoản IV Điểm 2.2 của Thông tư liên tịch số 02/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 22; Khoản 1, Khoản 1,2 Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ 2005 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2019).

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn P.

2/. Buộc bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H gỡ bỏ phần mềm CREO Element Pro 5.0 trên máy tính vi phạm, chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả cụ thể là hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0.

3/. Buộc bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H thông báo xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin báo chí về việc đã sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0 của P, cụ thể đăng công khai xin lỗi trên Báo T trong 03 kỳ báo liên tiếp.

Đăng báo ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4/. Không chấp nhận yêu cầu của P yêu cầu Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD (tương đương 12.631.977.290 (mười hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi) đồng.

5/. Không chấp nhận yêu cầu của P yêu cầu Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H tiêu hủy toàn bộ máy tính đã cài đặt phần mềm CREO Element Pro 5.0.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/5/2021, nguyên đơn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD và tiêu hủy toàn bộ các máy tính cài đặt phần mềm CREO Element Pro 5.0.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của P đưa ra các lập luận chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của P và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD và tiêu hủy toàn bộ các máy tính cài đặt phần mềm CREO Element Pro 5.0.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của P làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] P khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H gỡ bỏ phần mềm CREO Element Pro 5.0 trên máy tính vi phạm, chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả cụ thể là hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0; thông báo xin lỗi trên Báo T trong 03 kỳ báo liên tiếp; bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD; tiêu hủy toàn bộ máy tính của Công ty H đã cài đặt phần mềm CREO Element Pro 5.0.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc Công ty H gỡ bỏ phần mềm vi phạm, chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả, thông báo xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất với nội dung trên, không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc bị đơn bồi thường bồi thường số tiền 543.685 USD: Việc Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ đối với phần mềm CREO Element Pro 5.0 của P là có thật; được chính bị đơn thừa nhận. P có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ nếu đảm bảo các điều kiện pháp luật quy định. Điểm a, khoản 1, Điều 204 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như sau: “a) Thiệt hại về vật chất bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại;...”.

Điểm a Khoản 1 Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định về căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như sau: “a) Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất”.

Nguyên đơn cho rằng bị thiệt hại do bị đơn xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nên yêu cầu được bồi thường giá trị phần mềm CREO Element Pro 5.0 phiên bản đầy đủ module là 543,685 USD (tương đương 12.631.977.290 đồng).

Xét thấy, về nguyên tắc xác định thiệt hại do vi phạm quyền sở hữu trí tuệ thì nguyên đơn phải chứng minh được mức giảm sút về thu thập của nguyên đơn và khoản lợi nhuận mà bị đơn thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của nguyên đơn theo các quy định pháp luật đã được Hội đồng xét xử viện dẫn ở trên. Theo Kết luận thanh tra số 182/KL-TTr ngày 26/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quyết định về việc thanh tra chấp hành các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với chương trình phần mềm máy tính số 328/QĐ-TTr ngày 05/12/2019 thì Công ty H có sử dụng phần mềm CREO Element 5.0 phiên bản không đầy đủ trên 01 máy tính của Công ty H. Công ty H xác định nhân viên của Công ty H tự ý cài đặt phần mềm CREO Element 5.0 vào máy tính đơn vị để sử dụng; Công ty H không có chủ trương cho nhân viên sử dụng phần mềm trên và không sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty H hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; phần mềm CREO Element 5.0 được đại diện P xác định đây là chương trình ứng dụng công nghệ thông tin ở mức độ cao trong lĩnh vực sản xuất; đây là lĩnh vực nằm ngoài hoạt động kinh doanh của Công ty H. P không chứng minh được Công ty H sử dụng phần mềm trên vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thu được lợi nhuận từ việc sử dụng phần mềm; đồng thời cũng không chứng minh thiệt hại vật chất, giảm sút thu nhập của nguyên đơn liên quan đến việc vi phạm của bị đơn.

Mặt khác, yêu cầu bồi thường của nguyên đơn đưa ra là bản tuyên bố của P ngày 24/6/2020 là giá bán toàn bộ chương trình máy tính P Creo Elements/Pro 5.0 với thời gian là vô thời hạn. Trong khi đó, theo Kết luận thanh tra số 182/KL-TTr ngày 26/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quyết định thì Công ty H vi phạm một phần phiên bản không đầy đủ của chương trình máy tính CAD/CAM, không phải tất cả các module của phần mềm CREO Element 5.0. Chính P hiện nay cũng không xác định được giá trị thực tế của phiên bản không đầy đủ mà Công ty H có vi phạm là bao nhiêu để làm căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty H bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD, tương đương 12.631.977.290 đồng là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc bị đơn tiêu huỷ toàn bộ máy tính có cài đặt phần mềm vi phạm:

Bị đơn căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 202 Luật sở hữu trí tuệ, Điều 31 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP để buộc bị đơn tiêu huỷ toàn bộ máy tính cài đặt trái phép phần mềm CREO Element 5.0. Xét thấy, khoản 5 Điều 202 và Điều 31 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP buộc tịch thu tiêu huỷ đối với đối tượng “hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm sở hữu trí tuệ”. Công ty H có hành vi vi phạm tại 01 máy tính và đây là hành vi sao chép để sử dụng; không phải với mục đích sản xuất, kinh doanh phần mềm vi phạm. Bị đơn đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả gỡ bỏ

phần mềm vi phạm theo quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền. Nguyên đơn yêu cầu tịch thu, tiêu huỷ máy tính của bị đơn là không phù hợp với các quy định pháp luật đã viện dẫn trên nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên P phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của P. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 610/2021/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 11, Điều 20 Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Mục B Khoản IV Điểm 2.2 của Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03/4/2008 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân; Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 22;

Khoản 1, Khoản 1,2 Điều 202 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn P.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H gỡ bỏ phần mềm CREO Element Pro 5.0 trên máy tính vi phạm, chấm dứt hành vi xâm phạm quyền tác giả cụ thể là hành vi sao chép và sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H thông báo xin lỗi công khai trên phương tiện thông tin báo chí về việc đã sử dụng trái phép chương trình máy tính CREO Element Pro 5.0 của P, cụ thể đăng công khai xin lỗi trên Báo T trong 03 kỳ báo liên tiếp.

Đăng báo ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của P yêu cầu Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H bồi thường thiệt hại số tiền 543.685 USD (tương đương 12.631.977.290 (mười hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi) đồng.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của P yêu cầu Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục H tiêu hủy toàn bộ máy tính đã cài đặt phần mềm CREO Element Pro 5.0.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. P phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; được khấu trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0094186 ngày 19/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. 10

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.